

**Bản án số: 14/2023/DS-ST**

**Ngày: 13-3-2024**

**V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Đức
2. Bà Trương Thị Thanh Hương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 06/2024/TB-TA ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị N – sinh năm 1966.  
Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kinh T – sinh năm 1973 và ông Nguyễn Quang T – sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thanh M – sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Việt T – sinh năm 1993. Có đơn xin xử vắng mặt.

HKTT: Tổ dân phố 5, thị trấn Dạ M'ri, Đ. H, Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Nguyễn Văn V – sinh năm 1967. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 7, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:**

Ngày 17/01/2022 ông Nguyễn Tuấn A có góp vốn cùng bà Lê Thị Kinh T để nhận chuyển nhượng một diện tích đất là 3.315,9 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận, thửa đất số 197, tờ bản đồ số 8, cấp ngày 22/5/2019 do ông Nguyễn Văn V đứng tên chủ sở hữu. Khi góp vốn ông A và bà T làm hợp đồng góp vốn nhưng chưa công chứng, tổng số tiền góp vốn là 3.600.000.000 đồng, vợ chồng bà T ông T góp vốn 2.700.000.000 đồng, ông T. A góp vốn 900.000.000 đồng và đưa cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền 900.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản 650.000.000 đồng từ tài khoản Techcombank của vợ ông T. A là bà Bùi Việt T đến tài khoản Ngân hàng ACB của ông Lê Nguyễn Quốc K (con bà M) và đưa tiền mặt là 250.000.000 đồng cho bà M để bà M thay mặt ông T. A đưa số tiền 900.000.000 đồng cho bà Lê Thị Kinh T và ông Nguyễn Quang T để góp vốn đầu tư mua chung lô đất trên. Vì bà T góp 03 phần nên ông A đồng ý để bà T đứng tên, nếu có sang nhượng đất trên cho ai phải có sự đồng ý của ông A. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà T không bàn bạc với ông A, nhiều lần có khách mua, nhưng bà T không chịu, ông A có gặp bà T hỏi số đất hiện nay đâu để ông giới thiệu khách mua nhưng bà T không hợp tác. Thời gian gần đây bà nói đã được bên chủ đất cũ (ông V) ủy quyền toàn phần cho bà. Hiện nay, bà T thế chấp sổ để vay tiền bên ngoài mà không bàn bạc gì, ông A rất muốn lấy lại phần góp vốn nhưng bà T cố tình không trả. Nay ông Nguyễn Tuấn A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả cho ông số tiền vốn góp là 900.000.000 đồng.

**\* Bị đơn: Bà Lê Thị Kinh T và ông Nguyễn Quang T trình bày:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, ông T bà T có nhận Thông báo thụ lý vụ án, nhưng không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Ngày 24/4/2023, bà T nộp bản tự khai trình bày ý kiến: Bà T thừa nhận có làm ăn chung với bà M. Ngày 15/01/2022 bà M có đưa cho bà số tiền 300.000.000 đồng, đến ngày 17/01/2022 bà M đưa tiếp cho bà số tiền 600.000.000 đồng và bà M nói số tiền này là của bà M chung mua đất với bà tại T. X. Trong thời gian mua lô đất ở T. X chưa bán được, bà T bị bệnh phải nằm bệnh viện một thời gian sau đó bà về nhà thì bà M và con bà M là Q có đưa cho bà một số giấy tờ trong đó có hợp đồng chung đất

với ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1994, khu phố 1, phường P. L, nói là số tiền 900.000.000 đồng, chứ thực sự bà M không biết ông T. A là ông nào và ông T. A cũng không đưa tiền cho bà. Giữa lúc bà T đang bệnh hoạn bà M nói cứ ký vô tờ giấy này để làm tin. Bà T không ngờ giữa lúc này tình hình kinh tế suy thoái lô đất mua chung bán không được, mọi người phải thông cảm chia sẻ rủi ro với tình hình kinh tế hiện nay.

**\* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày:**

Bà M và bà Lê Thị Kinh T quen biết làm ăn, mua bán bất động sản trong thời gian dài. Sau khi bà T ông T có một số diện tích đất giới thiệu cho bà M mua để đầu tư, bà M còn hỗ trợ cho bà T vay tiền để làm ăn. Khoảng thời gian đầu tháng 01/2022, bà T có gọi cho bà M cùng hùn tiền để mua lô đất tại T. X, vì bà M không lo kịp tiền nên có nói với ông T. A (là bạn của con trai bà ) hùn vào một phần để mua diện tích đất tại T. X, ông T. A đồng ý việc góp một phần là 900.000.000 đồng. Do ông T. A bận công tác tại thành phố H. C. M không trực tiếp đưa tiền cho bà T ông T mà ông T. A chuyển khoản vào tài khoản của bà M và nhờ bà M giao cho vợ chồng ông T bà T, bà T có ký xác nhận việc góp vốn trực tiếp cho ông T. A và bà M là người làm chứng cho việc ký phần góp vốn.

Sau thời gian góp vốn mua chung diện tích đất trên có người trả giá cao nhưng bà T ông T không chuyển nhượng. Bà M có nghe nói ông bà lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp để vay tiền bên ngoài mà không thông qua ý kiến của ông T. A. Nhiều lần bà M và ông T. A có gặp mặt ông T bà T để tìm cách trả phần góp vốn cho ông T. A nhưng ông T bà T không hợp tác. Bà M nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông T. A là đúng, ông T bà T phải trả lại số tiền góp vốn cho ông T.A. Bà M cam đoan lời khai của bà là sự thật.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**- Bà Bùi Việt T trình bày:**

Bà T là vợ của ông Nguyễn T. A. Ngày 16/01/2022, bà có chuyển đến số tài khoản 12391067 – Ngân hàng TMCP Á .C chủ tài khoản là ông Lê Nguyễn Quốc K - là con của bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền 650.000.000 đồng thay ông T. A để góp vốn đầu tư chung cùng bà M và bà Lê Thị Kinh T. Số tiền góp vốn này là tài sản riêng trước hôn nhân của ông T.A.

**- Ông Nguyễn Văn V trình bày:**

Ông V thừa nhận có chuyển nhượng cho vợ chồng bà Lê Thị Kinh T và ông T một thửa đất có diện tích 3.315,9 m<sup>2</sup> tại thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận, với giá hơn 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Vợ chồng bà T đã đưa đủ tiền cho ông V, hai bên có làm hợp đồng tại Phòng công chứng N. L. Thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng ông nhưng vợ ông để cho ông đứng tên trên giấy tờ. Bà T đã làm thủ tục sang tên thửa đất này, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã giao cho bà T.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả cho ông Nguyễn Tuấn A số tiền 900.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn T.A yêu cầu ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả lại cho ông Nguyễn T. A số tiền 900.000.000 đồng mà ông T bà T đã nhận của ông T. A để góp vốn nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích là 3.315,9 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện H.T, tỉnh Bình Thuận, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự đòi lại tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại khu phố 3, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Kinh T và ông Nguyễn Quang T đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà T ông T vắng mặt không lý do; bà Bùi Việt T, ông Nguyễn Văn V có đơn xin xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Thanh M vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng ông T bà T không chấp hành. Căn cứ hợp đồng góp vốn mua đất ngày 17/01/2022, cụ thể được lập giữa bên A: Ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T, bên B: Ông Nguyễn T. A và bên C: Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh M.

Nội dung hợp đồng ghi: Các bên góp vốn để mua thửa đất số 197, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.315,9 m<sup>2</sup>; Địa chỉ thửa đất: Thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận, số vào sổ cấp GCN: CS 02908 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22/5/2019;

Giá trị góp vốn: Hai bên thỏa thuận việc góp vốn được thực hiện như sau: Tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn: Tổng số tiền góp vốn: 3.600.000.000 đồng tương ứng 100%; Số tiền góp vốn bên A: 2.700.000.000 đồng tương ứng 75%; Số tiền góp vốn bên B: 900.000.000 đồng tương ứng 25%; Địa điểm góp vốn: Thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Phương thức góp vốn: Bên B giao cho bên A tiền mặt 900.000.000 đồng.

Hợp đồng góp vốn mua đất ngày 17/01/2022 có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn T. A, bà Lê Thị Kinh T và bà Nguyễn Thị Thanh M là người làm chứng. Mặc dù, không có chữ ký của ông T, nhưng trong nội dung hợp đồng có ghi tên ông Nguyễn Quang T và ông T đã nhận Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến gì. Lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh M cũng thừa nhận do ông T. A bận công tác tại thành phố H. C. M không trực tiếp đưa tiền cho bà T ông T nên ông T. A có nhờ bà M đưa số tiền 900.000.000 đồng cho vợ chồng bà T ông T bằng hình thức: Bà T – vợ ông T. A có chuyển khoản 650.000.000 đồng từ tài khoản Techcombank đến tài khoản Ngân hàng ACB của ông Lê Nguyễn Quốc K (con bà M) và đưa tiền mặt là 250.000.000 đồng. Lời khai của bà T thừa nhận có nhận số tiền 900.000.000 đồng từ bà M để hùn mua đất, lời khai của ông Nguyễn Văn V thừa nhận có chuyển nhượng cho bà T ông T thửa đất số 197, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.315,9 m<sup>2</sup>; Địa chỉ thửa đất: Thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận với giá hơn 03 tỷ đồng và ông đã nhận đủ tiền từ bà T ông T. Điều này thể hiện, ông Nguyễn T. A có góp vốn số tiền 900.000.000 đồng với ông T bà T để chuyển nhượng thửa đất số 197 của ông Nguyễn Văn V là có thật. Sau khi hai bên thực hiện việc góp vốn thì do vợ chồng bà T góp 03 phần nên ông A đồng ý để bà T đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng.

Căn cứ các tài liệu thu thập từ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H T thể hiện: Vợ chồng ông Nguyễn Văn V đã uỷ quyền cho bà Lê Thị Kinh T, bà T uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T để chuyển nhượng thửa đất số 197 cho bà Bùi Nguyễn Gia P, hợp đồng được ký kết vào ngày 14/4/2023 và đã được cập nhật biến động vào ngày 04/5/2023. Như vậy, việc bà T khai hiện nay tình hình kinh tế suy thoái lô đất mua chung bán không được là không đúng sự thật.

Vì vậy, từ những căn cứ trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả cho ông Nguyễn T.A số tiền 900.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166 Bộ Luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải trả cho ông Nguyễn T. A số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Kinh T phải chịu 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn T. A số tiền 19.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 0013219 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/3/2024). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Huỳnh Thị Vũ Toàn**